

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC DẠY HỌC PHÂN HÓA Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG SAU NĂM 2015

PGS. TS. ĐÀO THÁI LAI - TS. NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Thách thức về chất lượng nguồn nhân lực và vai trò của giáo dục phổ thông (GDPT)

Có thể xem xét chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam thông qua so sánh năng suất lao động với một số nước Á Đông. Dựa trên chỉ số cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế thế giới, năm 2009-2010, Việt Nam xếp thứ 75/133 quốc gia về năng suất lao động, trong khi đó vị trí của Singapore là 3, Malaysia là 24, Thái Lan là 36... Với năng suất lao động thấp như vậy, chúng ta không thể cạnh tranh được với các nước trong khu vực và thậm chí sẽ mất việc làm ngay trên sân nhà. Năng suất lao động thấp có nguyên nhân là do chất lượng đào tạo nguồn nhân lực kém, trong đó một phần không nhỏ là chất lượng GDPT chưa cao. Có thể thấy chất lượng GDPT đang là vấn đề thách thức từ các góc nhìn khác nhau:

- Góc nhìn đơn tuyến, chỉ về kiến thức và kĩ năng: qua số liệu điểm thi tuyển đầu vào các trường cao đẳng và đại học, thấy ngay kiến thức, kĩ năng của học sinh (HS) phổ thông là yếu.

- Góc nhìn cơ bản và toàn diện hơn về năng lực tổng thể: HS tốt nghiệp phổ thông không chỉ yếu về kiến thức và kĩ năng mà về phương pháp học tập, kĩ năng sống và các năng lực khác như năng lực hợp tác, sáng tạo, giải quyết vấn đề, năng lực tự học, ... đều yếu.

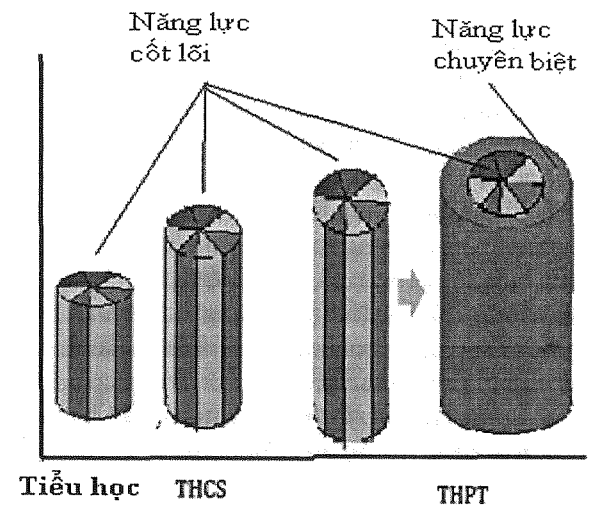
Như vậy, có khoảng cách lớn giữa GDPT với yêu cầu về lao động sản xuất, với đào tạo nghề và đào tạo ở đại học, cao đẳng không chỉ về kiến thức, kĩ năng, mà còn về các yếu tố năng lực khác.

2. Tiếp cận năng lực trong tổ chức dạy học phân hóa

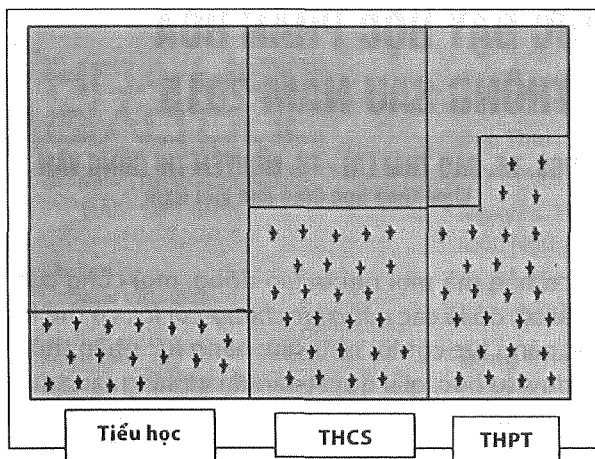
Khi thực hiện chu trình phát triển chương trình giáo dục hiện nay, đa số các nước không chỉ chú trọng đến kiến thức, kĩ năng mà còn quan tâm đến phát triển năng lực cho HS. Ở Việt Nam, thuật ngữ "năng lực" có thể được hiểu theo các nội hàm khác nhau. Theo một số quan điểm khá thống nhất thì năng lực được hiểu theo nghĩa "competency", nghĩa là "tổng hợp tất cả các yếu tố kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác để thực hiện một loại công việc nào đó". Năng lực có các yếu

tổ cơ bản mà mọi người lao động, mọi công dân phải có, đó là các năng lực chung-cốt lõi, có thể kể các năng lực cốt lõi như sau: năng lực nhận thức, tư duy, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác, quản lí thông tin, quản lí cá nhân,.. Cùng với năng lực cốt lõi, mỗi người lao động cần có các năng lực chuyên biệt. Nhờ có năng lực chuyên biệt mà mỗi cá nhân trong cộng đồng, xã hội có sự khác biệt, có thể thực hiện một loại công việc nào đó mà một số thành viên khác trong xã hội khó hoặc không làm được.

Ở GDPT, năng lực chung-cốt lõi và cả năng lực chuyên biệt đều cần được chú ý phát triển. Tuy nhiên, trong từng giai đoạn học tập cần chú trọng vào những loại năng lực khác nhau. Ở Tiểu học và THCS, cần tập trung phát triển các năng lực chung-cốt lõi, điều này dẫn tới một yêu cầu trong việc xây dựng chương trình giáo dục là cần quan tâm đến việc thiết kế các nội dung, môn học mang tính tích hợp. Ở trung học phổ thông (THPT), cùng với phát triển các năng lực chung-cốt lõi, chú ý phát triển các năng lực chuyên biệt. Việc phát triển năng lực chuyên biệt được thực hiện trên cơ sở thực hiện phân hóa ngày càng mạnh và hướng nghiệp cao. Có thể hình dung cách tiếp cận đó theo sơ đồ 1 dưới đây:



Sơ đồ 1: Năng lực của HS THPT



(Chú thích: Vùng các môn/hoạt động tự chọn đánh dấu +)

Quá trình tổ chức dạy học phân hóa đảm bảo cho việc phát triển các năng lực chuyên biệt. Nguyên tắc dạy học phân hóa là: phân hóa tăng dần qua các cấp học, phân hóa mạnh ở THPT; dạy ít môn học ở THPT nhưng sâu, gắn với các định hướng nghề của HS khi ra cuộc sống hoặc học tiếp ở cao đẳng và đại học.

3. Một số phương án tổ chức dạy học phân hóa ở THPT

Từ thực tiễn tổ chức dạy học phân hóa ở Việt Nam và kinh nghiệm dạy học phân hóa cấp THPT của quốc tế, có thể xem xét đến một số phương án tổ chức dạy học phân hóa khác nhau, với ưu, nhược điểm của mỗi phương án.

3.1. Phương án phân ban

Đây là phương án đã được thực hiện từ đầu những năm 90 của thế kỉ trước. HS được học theo các ban (tự nhiên, xã hội,...), còn gọi là các ban A, B, C, D,... Ưu điểm của phương án này là đã phân hóa được các đối tượng HS theo năng lực, xu hướng nghề nghiệp; có thể thuận tiện hơn cho nhà quản lí khi tổ chức điều hành hoạt động của nhà trường; Việt Nam đã và đang tổ chức dạy học phân ban nên có kinh nghiệm về quản lí theo phương thức này. Tuy nhiên, nhược điểm của phương án này là nếu phân thành các ban thì hiện tại và một số năm tới sẽ lại gặp tình trạng một số ban không đủ HS để dạy (chẳng hạn ban C); và dạy học theo phân ban không phải là mô hình dạy học phổ biến trên thế giới.

3.2. Phương án tổ chức dạy học phân ban kết hợp với tự chọn (trong đó có ban Cơ bản)

Đây là một cách thức phân hóa hiện đang tồn tại ở các trường THPT của Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đại đa số HS chỉ học ban cơ bản, các ban

khác hầu như không có HS. Vì thế, ý định phân ban không thực hiện được. HS phải học quá nhiều môn (14 môn và các hoạt động giáo dục) thêm một số chuyên để nâng cao, thời lượng dành cho từng môn ít nên nội dung từng môn học không sâu, có hiện tượng quá tải đối với HS.

3.3. Phương án dạy học tự chọn theo hướng dạy ít môn và cho HS tự chọn học các môn/chuyên để phù hợp năng khiếu, khuynh hướng nghề nghiệp của mình

Đây là phương án đảm bảo phân hóa sâu, phát triển năng lực chuyên biệt HS, gắn với nghề nghiệp tương lai, đáp ứng nhu cầu học tập của HS. Tuy nhiên, cách tổ chức này cũng đòi hỏi thay đổi trong quản lí của các trường THPT, đồng thời sẽ xuất hiện các môn học mới, cần có lộ trình bổ sung môn học và bổ sung GV.

Phương án này mang lại nhiều thuận lợi cho HS, phù hợp với xu thế phát triển chương trình hiện đại, khó khăn chỉ ở khâu quản lí.

Xem xét các phương án dạy học phân hóa trên, có thể thấy phương án tổ chức dạy học tự chọn có nhiều ưu thế. Có nhiều cách thức tổ chức dạy học tự chọn, nhưng về mô hình cơ bản, có thể hình dung rằng HS sẽ học một số môn bắt buộc và tự chọn một số môn phù hợp năng lực, nhu cầu của mình.

4. Đề xuất phương án tổ chức dạy học phân hóa cấp THPT sau năm 2015

4.1. Mô tả phương án dạy học tự chọn

Trong phương án này, có thể căn cứ vào việc thiết kế ban Cơ bản trong dạy học hiện nay (học 12 môn bắt buộc và tự chọn một số chuyên để nâng cao), bớt số môn học bắt buộc và tăng số môn/chuyên để tự chọn. Đây chính là ý tưởng cơ bản để nhóm nghiên cứu đề xuất phương án dạy học tự chọn ở THPT. Với quy định số năm học ở THPT là 3 năm, có thể phân bố các giai đoạn nhỏ như sau:

Năm lớp 10 là giai đoạn để HS bước đầu định hướng nghề nghiệp sau này (gọi là dự hướng nghề nghiệp); Lớp 10 có 10 môn bắt buộc, chương trình các môn này ở mức cơ bản nhằm hoàn thiện học vấn THCS. Đồng thời, HS sẽ chọn 2 môn có nội dung ứng dụng kiến thức môn học vào thực tiễn¹ hoặc nghề². Như vậy, HS sẽ học 10 môn bắt buộc và 2 môn tự chọn.

Các năm lớp 11 và lớp 12 là giai đoạn thực hiện phân hóa mạnh và hướng nghiệp cao. Số môn học sẽ không quá nhiều như hiện nay, nhưng sẽ học

¹ Chẳng hạn: công nghệ, CNTT&TT, ứng dụng vật lí, ứng dụng sinh học, ứng dụng hóa học, ...

² Khuyến khích gắn tới nghề phổ biến ở địa phương

Sơ đồ 2: Tổ chức các môn tự chọn ở THPT

THPT				
STT	10	11	12	Chú thích
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	BẮT BUỘC
2	Toán	Toán	Toán	
3	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 1	Ngoại ngữ 1	
4	GDCD	GDCD	GDCD	
5	GDTC	- Chọn 3 môn, mỗi môn thuộc một trong 3 nhóm sau: a) Lĩnh vực khoa học – kĩ thuật: Vật Lí, Hoá học, Sinh học, Môi trường, Khoa học về máy tính, Công nghệ, ... b) Lĩnh vực xã hội - nhân văn - kinh tế: Lịch sử, Địa lí, Văn học, Ngoại ngữ 2, Xã hội học, Kinh tế-dịch vụ, Kinh doanh, Nghệ, ... c) Lĩnh vực nghệ thuật - thể chất: Âm nhạc, Mĩ thuật, Điện ảnh, Tạo hình, kịch,... các môn thể thực, thể thao. - Trong 7 môn học (4 môn bắt buộc và 3 môn HS đã chọn) có thể chọn 3 chuyên để nâng cao.	TỰ CHỌN	
6	Vật lí			
7	Hóa học			
8	Sinh học			
9	Lịch sử			
10	Địa lí			
11	Chọn 2 môn hoặc chủ đề: Âm nhạc, Mĩ thuật; CNTT&TT, Nghệ. Hướng nghiệp.			
12	Các hoạt động giáo dục			

sâu hơn. Nhóm nghiên cứu đề nghị có 4 môn bắt buộc là **Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Giáo dục công dân(GDCD)**. HS sẽ phải chọn 3 môn trong danh mục các môn sau: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Khoa học về máy tính, Môi trường, Công nghệ, Kinh doanh, Nghệ (liên quan đến các nghề ở địa phương)³,.... Đồng thời HS có thể chọn thêm các chuyên để nâng cao, mỗi chuyên để ứng với một trong các môn tự chọn hoặc bắt buộc. HS có thể chọn 3 chuyên để nâng cao. Như vậy, mỗi HS sẽ học 7 môn (4 môn bắt buộc và 3 môn tự chọn).

Các môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ 1 coi là các môn bắt buộc vì đây là các môn công cụ cần thiết cho tất cả các lĩnh vực hoạt động của người lao động Việt Nam⁴. Môn GDCD cũng được xác định là bắt buộc để trang bị những yếu tố nền tảng về đạo đức, phẩm chất không thể thiếu đối với người công dân

³ Số lượng các môn để HS chọn sẽ tăng dần theo lộ trình hợp lí, điều này phụ thuộc vào sự phát triển KT-XH, vào việc đảm bảo các điều kiện dạy học tự chọn.

⁴ Ủy ban xác định các kĩ năng thiết yếu cho người lao động Mi đã xác định các năng lực về Đọc, Viết, Toán là thành phần trong năng lực cơ bản của người lao động Mi đầu thế kỉ XXI (Cải cách GD ở Mi, trang 186)

Việt Nam tương lai.

Xét tổng thể cả 3 cấp học, ta thấy số môn học bắt buộc giảm dần và các môn/hoạt động tự chọn tăng dần. (Xem sơ đồ 2)

4.2. Đặc điểm của phương án dạy học tự chọn

- Kế thừa cách tổ chức Phân ban kết hợp tự chọn trước đó, thông qua phân tích cách dạy học ban Cơ bản.

- Đảm bảo tính phân hóa sâu dần ở phổ thông, đặc biệt phân hóa cao hơn và chú trọng gần tới xu hướng nghề nghiệp của HS ở THPT. HS học ít hơn và sâu hơn các môn học ở các lớp cuối THPT.

- Đáp ứng nhu cầu đa dạng của HS: đáp ứng nhu cầu, khuynh hướng và năng lực người học, mục tiêu học tiếp lên đại học và mục tiêu theo học các trường nghề sau THPT.

- Đảm bảo tính mở, có thể phát triển tiếp phương án để xuất (tăng dần thêm các môn học tự chọn, đáp ứng sự biến động của tuyển sinh Đại học - Cao đẳng và tuyển sinh vào các cơ sở nghề).

4.3. Đề xuất lộ trình triển khai phương án dạy học tự chọn

Như đã nhận xét, do chưa có kinh nghiệm quản lí, chưa kịp chuẩn bị nội dung môn học tự chọn mới, thời gian đầu có thể xác định danh sách các môn tự chọn như đã đề xuất (gồm chủ yếu là các môn học cũ, có thêm môn mới duy nhất là Kinh doanh, tuy nhiên, môn kinh doanh này đã được tổ chức dạy thử cho khoảng 2000 HS THPT ở trên 10 trường thuộc các vùng miền trên cả nước, đã có bộ sách về kinh doanh cho GV và HS). Trong khi đó tích cực chuẩn bị các môn học mới tiếp theo, cứ sau vài năm có thể thêm vài môn. Cùng với lộ trình chuẩn bị nội dung, tài liệu các môn là đào tạo, bồi dưỡng GV dạy các môn tự chọn. Kết quả tới năm 2025, chúng ta có thể có nhiều môn tự chọn tương đương các nước. Việc xác định lộ trình triển khai hợp lí là hết sức quan trọng. Trong hệ thống các môn tự chọn, danh mục các môn nghề phù hợp thực tiễn địa phương là hết sức quan trọng. Các trường có thể chủ động lựa chọn các nghề ở địa phương, chủ động cùng các

(Xem tiếp trang 20)